

Bản án số: 02/2025/KDTM - ST  
Ngày: 21 - 02 - 2025  
V/v: Tranh chấp về bồi thường  
thiệt hại do không thực hiện  
hợp đồng vận chuyển.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân.

**Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Lưu Văn Đê.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 84/2024/TLST-DS, ngày 05 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp về bồi thường thiệt hại do không thực hiện hợp đồng vận chuyển” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 207/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 136/2024/QĐST-DS, ngày 30 tháng 12 năm 2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2025/QĐST-DS, ngày 21 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH V; địa chỉ: Số B N, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tấn T – Giám đốc;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trình Kiên C, sinh năm 1991; địa chỉ liên lạc: Số A đường N, thị trấn V, huyện T, thành phố Hà Nội; (hợp đồng uỷ quyền ngày 17/5/2024) “có mặt”.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vũ Viết N – Luật sư Công ty L, đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ liên lạc: Số A đường N, thị trấn V, huyện T, thành phố Hà Nội; “có mặt”.

- Bị đơn: Công ty TNHH T4; địa chỉ: Xóm I T, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn T1; địa chỉ: Xóm I T, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định - Giám đốc Công ty; “vắng mặt”.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Bà Đinh Thị H, sinh năm 1986; địa chỉ: Xóm C, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Công ty TNHH V và người đại diện theo uỷ quyền là ông Trình Kiên C trình bày:

Ngày 12/12/2023, Công ty TNHH V (gọi tắt là Công ty V) nhận vận chuyển 3.180 tấn đá hoa cho Công ty TNHH A (gọi tắt là Công ty A1) từ cảng quốc tế N, tỉnh Thanh Hóa đến Lô A, khu công nghiệp K - khu B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương (gọi tắt là kho A2). Ngày 15/12/2023, Công ty V đã ký Hợp đồng vận chuyển số 99/HĐVC/CB-HT (gọi tắt là Hợp đồng số 99) với Công ty TNHH T4 (gọi tắt là Công ty T4), có nội dung: Công ty V thuê Công ty T4 vận chuyển 3.180 tấn đá rời (đá hoa) từ cảng Quốc tế N, tỉnh Thanh Hóa đến cảng T, tỉnh Bình Dương bằng tàu Duy Hoàng 99; thời gian xếp hàng dự kiến từ ngày 25 đến ngày 30/12/2023 (trừ trường hợp bất khả kháng); cước phí 180.000 đồng/tấn (bao gồm cả thuế VAT); thỏa thuận tạm ứng 50% cước vận chuyển khi xếp hàng xong, thanh toán hết cước trong vòng 10 ngày sau khi dỡ hàng xong và nhận đủ chứng từ thanh toán; giao nhận hàng hoá qua cân hai đầu cảng. Hợp đồng được ký và scan bản PDF gửi cho Công ty T4 ký và gửi lại qua zalo. Tuy nhiên đến ngày thực hiện hợp đồng thì Công ty T4 đưa ra nhiều lý do và không đưa tàu đến cảng Quốc tế N, tỉnh Thanh Hóa để vận chuyển hàng. Ngày 06/01/2024 Công ty V đã ứng trước (đặt cọc) 10.000.000 đồng cho công ty T4. Sau nhiều lần Công ty V có công văn gửi và liên lạc bằng điện thoại, tin nhắn, gửi email cho Công ty T4 thì đến ngày 11/01/2024, Công ty V nhận được Thông báo số 1101/TB – CDHĐ của Công ty T4 chụp gửi qua zalo về việc chấm dứt Hợp đồng số 99 ngày 15/12/2023 giữa Công ty T4 và Công ty V với lý do Công ty T4 đang hoàn tất hồ sơ bán tàu cho khách hàng. Vì vậy, Công ty V buộc phải huỷ các hợp đồng bốc dỡ hàng hóa với các đơn vị dự tính bốc dỡ hàng hóa ban đầu và phải thuê đơn vị khác với mức giá cao hơn để bốc dỡ, vận chuyển hàng hóa. Cụ thể, ngày 17/01/2024, Công ty V đã ký Hợp đồng vận chuyển số 11/HĐVC/CB-ND để thuê Công ty TNHH V1 (gọi tắt là Công ty V1) vận chuyển 2269,04 tấn đá từ cảng Quốc tế N - Thanh Hóa đến cảng N - Bình Dương với cước phí 225.000đồng/tấn (bao gồm cả thuế VAT); ngày 28/01/2024 ký bảng kê số 01/APEX với Công ty TNHH X (gọi tắt là Công ty X) vận chuyển 2269,04 tấn đá từ cảng N - Bình Dương về kho Apex với đơn giá 45.000 VNĐ/tấn. Do thời gian gấp, Công ty V không thể thuê được tàu có trọng tải tương đương, phải thuê tàu có trọng tải nhỏ hơn và đến cảng khác có vị trí gần kho Apex hơn để trả hàng. Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/3/2024, Công ty V yêu cầu Công ty T4 bồi thường thiệt hại do không thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng số 99 tổng số tiền là 128.245.324 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty V yêu cầu Công ty T4 bồi thường thiệt hại tổng số tiền là 138.569.232 đồng, trong đó: Thiệt hại chi phí phát sinh do không thực hiện đúng hợp đồng là: 118.745.670 đồng, lợi nhuận bị mất do không vận chuyển đủ lượng hàng theo đơn đặt hàng là: 10.323.909 đồng; thuế VAT 8% là 9.499.653 đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn là Công ty TNHH T4 để bị đơn có ý kiến bằng văn bản về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, bị đơn đều biết nhưng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chỉ yêu cầu nguyên đơn cung cấp bản chính Hợp đồng số 99/HĐVC/CB-HT và từ chối không làm việc với Tòa án.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đều trình bày: Do Hợp đồng số 99/HĐVC/CB-HT được gửi bằng file word lên nhóm zalo, sau khi hai bên chốt số lượng hàng vận chuyển Công ty V đã ký và scan file PDF gửi cho công ty T4 ký và gửi lại ngày 21/12/2023 cho công ty V cũng qua scan, do đó nguyên đơn không có bản gốc có dấu đỏ của cả hai bên để nộp cho Tòa án. Nay nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể xin rút yêu cầu bị đơn phải bồi thường lợi nhuận bị mất do không vận chuyển đủ lượng hàng theo đơn đặt hàng là 10.323.909 đồng; thuế VAT 8% là 9.499.653 đồng; giữ nguyên yêu cầu bị đơn phải bồi thường thiệt hại chi phí phát sinh do không thực hiện đúng Hợp đồng số 99/HĐVC/CB-HT là 118.745.670 đồng.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đều đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự cơ bản đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên đây là vụ án tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa 02 công ty có đăng ký kinh doanh và có mục đích lợi nhuận, do vậy đây là vụ án tranh chấp kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã xác định là quan hệ tranh chấp dân sự để thụ lý giải quyết là chưa đúng quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp là tranh chấp kinh doanh thương mại.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 530, 531, 534, 541 của Bộ luật Dân sự;

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải bồi thường thiệt hại do không thực hiện hợp đồng vận chuyển cho nguyên đơn số tiền là 70.000.000 đồng.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là Công ty TNHH V và bị đơn là Công ty TNHH T4 đều có đăng ký kinh doanh, mục đích hai bên giao kết Hợp đồng số 99/HĐVC/CB-HT đúng ngành

ngành kinh doanh vận chuyển hàng hóa nhằm thu lợi nhuận. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải bồi thường thiệt hại do không thực hiện Hợp đồng số 99/HĐVC/CB-HT. Ngày 05/6/2024 Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã thụ lý vụ án xác định quan hệ tranh chấp vụ án dân sự, tuy nhiên sau khi thu thập đầy đủ các tài liệu chứng cứ, Hội đồng xét xử thấy đây là quan hệ tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, đều có mục đích lợi nhuận giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định là tranh chấp về kinh doanh thương mại. Bị đơn có địa chỉ tại xã H, huyện H, tỉnh Nam Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về luật áp dụng và thời hiệu khởi kiện: Do tranh chấp về kinh doanh thương mại phát sinh từ việc giao kết hợp đồng vận chuyển hàng hóa bằng tàu biển nên áp dụng Bộ luật năm 2015 và Bộ luật Dân sự để giải quyết. Theo quy định Điều 195 của Bộ luật thì thời hiệu khởi kiện hợp đồng vận chuyển theo chuyên là 02 năm kể từ ngày người khởi kiện biết hoặc phải biết quyền lợi của mình bị xâm phạm, ngày 11/01/2024 nguyên đơn nhận được Thông báo số 1101/TB – CDHĐ của bị đơn về việc chấm dứt Hợp đồng số 99. Do đó Hội đồng xét xử xác định vụ việc vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[1.3] Tại phiên tòa, bị đơn là Công ty T4 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng số 99/HĐVC/CB-HT: Về phương thức giao kết hợp đồng: Tại vi bằng số 243/2024/VB – TPLTĐ ngày 13/9/2024 của Văn phòng T5 thể hiện Hợp đồng số 99/HĐVC/CB-HT và các nội dung liên quan đến hợp đồng này đều được các đương sự giao dịch qua zalo nhóm có tên đăng nhập “Hoàng T2 – C” gồm 6 thành viên trong đó có Hang Đ (trưởng nhóm – là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn), Vận tải Cánh Buồm. Các bên đã thực hiện việc gửi và ký hợp đồng qua phương thức gửi qua zalo và scan bản file PDF như sau: công ty V gửi hợp đồng để Công ty T4 biết, sau đó công ty V đã ký và đóng dấu phía dưới hợp đồng gửi công ty T4, công ty T4 đã ký và đóng dấu gửi lại công ty V. Về nội dung của hợp đồng: Ngày 15/12/2023, nguyên đơn thuê bị đơn vận chuyển 3.180 tấn đá rời (đá hoa) từ cảng Quốc tế N, tỉnh Thanh Hóa đến cảng T, tỉnh Bình Dương bằng tàu Duy Hoàng 99; thời gian xếp hàng dự kiến từ ngày 25 đến ngày 30/12/2023 (trừ trường hợp bất khả kháng); cước phí 180.000 đồng/tấn (bao gồm cả thuế VAT); giao nhận hàng hoá qua cân hai đầu cảng; tại mục 13 của Hợp đồng còn thỏa thuận về trách nhiệm của bên vận chuyển (bị đơn) “nếu hủy hợp đồng phải bồi thường chi phí phát sinh (trừ trường hợp bất khả kháng)”. Như vậy, hợp đồng có ngày tháng cụ thể, ghi nhận rõ ý chí và sự thỏa

thuận của bên thuê vận chuyển là công ty V, bên vận chuyển là công ty T4; hợp đồng thể hiện rõ đầy đủ: đối tượng, số lượng hàng hóa vận chuyển, giá vận chuyển, phương thức thanh toán, thời gian, địa điểm thực hiện việc vận chuyển, quyền và nghĩa vụ của các bên, trách nhiệm do vi phạm hợp đồng, phía dưới cùng hợp đồng đều có chữ ký của người đại diện hợp pháp và dấu công ty của cả hai bên. Do đó, căn cứ khoản 12 Điều 4, các Điều 33, 34, 35, 36 của Luật giao dịch điện tử năm 2005; Điều 145, 146 của Bộ luật Hàng hải năm 2015; Điều 530 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử có cơ sở công nhận Hợp đồng số 99/HĐVC/CB-HT là có giá trị pháp lý nên các bên phải có nghĩa vụ thực hiện.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải bồi thường thiệt hại do không thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng số 99 tổng số tiền là 118.745.670 đồng:

[2.2.1] Ngày 11/01/2024, nguyên đơn nhận được thông báo số 1101/TB – CDHĐ của bị đơn chụp gửi qua zalo về việc bị đơn chấm dứt Hợp đồng số 99 với lý do bị đơn đang hoàn tất hồ sơ bán tàu cho khách hàng. Ngày 17/01/2024, nguyên đơn đã ký Hợp đồng vận chuyển số 11/HĐVC/CB-ND để thuê Công ty V1 vận chuyển 2269,04 tấn đá từ cảng Quốc tế N - Thanh Hóa đến Cảng N - Bình Dương với đơn giá 225.000đồng/tấn (bao gồm cả thuế VAT). Ngày 28/01/2024 ký bảng kê số 01/APEX với Công ty X vận chuyển 2269,04 tấn đá từ cảng N - Bình Dương về kho Apex với đơn giá 45.000 VNĐ/tấn. Như vậy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng nên căn cứ các Điều 351, 360, 534 của Bộ luật Dân sự, bị đơn phải chịu trách nhiệm bồi thường chi phí phát sinh cho nguyên đơn.

[2.2.2] Theo hợp đồng số 99, nguyên đơn thuê bị đơn vận chuyển 3.180 tấn đá rời (đá hoa) từ cảng Quốc tế N, tỉnh Thanh Hóa đến cảng T, tỉnh Bình Dương, cước phí là 180.000 đồng/tấn (bao gồm cả thuế VAT); giao nhận hàng hoá qua cân hai đầu cảng. Hợp đồng vận chuyển số 11/HĐVC/CB-ND nguyên đơn thuê Công ty V1 vận chuyển 2269,04 tấn đá từ cảng Quốc tế N - Thanh Hóa đến Cảng N - Bình Dương với đơn giá 225.000đồng/tấn (bao gồm cả thuế VAT). Như vậy cước phí nguyên đơn phải thuê đơn vị khác vận chuyển hàng hóa khắc phục lỗi của bị đơn là cao hơn nên bị đơn phải chịu chi phí phát sinh chênh lệch theo nội dung các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng. Theo giá cước nguyên đơn đã ký với bị đơn thì số tiền thuê vận chuyển là:  $2269,040 \text{ tấn} \times 180.000\text{đ/tấn} = 408.427.200$  đồng. Theo giá cước nguyên đơn đã ký với Công ty V1 thì số tiền thuê vận chuyển là:  $2269,040 \text{ tấn} \times 225.000\text{đ/tấn} = 510.534.000$  đồng. Như vậy, chi phí phát sinh vận chuyển là:  $510.534.000\text{đ} - 408.427.200\text{đ} = 102.126.800\text{đ}$ .

[2.2.3] Tuy nhiên cảng đến (điểm giao hàng) theo hợp đồng giao kết giữa nguyên đơn với bị đơn khác cảng đến mà nguyên đơn thuê Công ty V1 vận chuyển. Theo nguyên đơn trình bày do bị đơn hủy hợp đồng mà thời gian giao hàng cho đối tác gấp nên buộc phải thay đổi kế hoạch tập kết và cảng nhận hàng nhưng không đưa ra được chứng cứ về khoảng cách giữa điểm nhận hàng đến điểm giao hàng theo hợp đồng với bị đơn và theo hợp đồng thuê Công ty V1. Do đó Hội đồng xét xử xác định cả nguyên đơn và bị đơn đều phải chịu phí tổn này, vì bị đơn có lỗi nên phải chịu 81.000.000đ, nguyên đơn phải chịu 21.126.800đ.

[2.2.4] Theo nguyên đơn trình bày số tiền yêu cầu bị đơn phải bồi thường bao gồm cả chi phí bốc dỡ hàng mà nguyên đơn đã thuê đơn vị khác vận chuyển từ cảng N - Bình Dương về kho Apex. Hội đồng xét xử thấy Hợp đồng số 99 các bên không thỏa thuận chi phí bốc dỡ hàng từ cảng về kho và nguyên đơn không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh chi phí phát sinh này, do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[3] Do nguyên đơn xin rút yêu cầu bị đơn phải bồi thường chi phí về lợi nhuận bị mất do không vận chuyển đủ lượng hàng theo đơn đặt hàng là 10.323.909 đồng; thuế VAT 8% là 9.499.653 đồng nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn.

[4] Căn cứ vào những phân tích đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn số tiền 81.000.000đ (T3 mươi một triệu đồng).

[5] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tương ứng với số tiền được chấp nhận; nguyên đơn phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tương ứng với số tiền không được chấp nhận theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: khoản 12 Điều 4, các Điều 33, 34, 35, 36 của Luật giao dịch điện tử năm 2005; các Điều 145, 146, 175, 185, 190, 195 của Bộ luật Hàng hải năm 2015; các Điều 351, 360, 530, 534 của Bộ luật Dân sự; các Điều 30, 35, 36, 39, 147, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH V đối với Công ty TNHH T4.

2. Buộc Công ty TNHH T4 phải bồi thường cho Công ty TNHH V số tiền là 81.000.000đ (T3 mươi một triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự

3. Đình chỉ yêu cầu của Công ty TNHH V đối với Công ty TNHH T4 về việc bồi thường chi phí về lợi nhuận bị mất là 10.323.909 đồng; thuế VAT là 9.499.653 đồng.

4. Về án phí sơ thẩm: Công ty TNHH T4 phải nộp 4.050.000đ (Bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty TNHH V phải nộp 3.000.000đ (Ba triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại được trừ vào số tiền 2.968.000đ đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003193 ngày 04/6/2024 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Công ty TNHH V còn phải nộp 32.000đ (Ba mươi hai nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thanh Xuân**